

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-4-2022

V/v: Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N với
anh Nguyễn Văn M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiên;
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXX - ST ngày 10 tháng 3 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 06/2022/TB - TA ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐXX - ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983;

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn M**, sinh năm 1980;

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(*Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh M vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2022, bản tự khai đề ngày 07/02/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 15 tháng 10 năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường cho đến cuối năm 2020, anh M không tu chí làm ăn, nợ nần bên ngoài, gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra, anh M còn hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập, đe dọa chị, gây ảnh hưởng đến tinh thần của chị. Bản thân chị đã nhẫn nhịn chịu đựng nhưng anh M không thay đổi. Hiện tại, chị và anh M vẫn đang sinh sống cùng một nhà nhưng thực tế anh chị đã sống ly thân nhau, kinh tế độc lập, không ai liên quan đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn, vợ chồng không thể hàn gắn để đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2003 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2005. Hiện con L đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tôn trọng quyền lựa chọn về người trực tiếp nuôi con của cháu Thu. Nếu anh M không có nguyện vọng nuôi cháu Thu, chị đề nghị Tòa án giao cháu Thu cho chị nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm việc tại Công ty điện tử Ng có địa chỉ ở Khu công nghiệp Phúc Khánh, TP Thái Bình, thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng.

1.3 Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Vợ chồng chị không có khoản nợ chung nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Văn M ngày 25 tháng 02 năm 2022, anh M trình bày: Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh M đã nhiều lần níu kéo chị N nhưng chị N kiên quyết không quay thay đổi. Vì vậy, việc chị N khởi kiện xin ly hôn anh, anh không có ý kiến gì, tùy chị N quyết định. Về con chung: Nếu anh và chị N ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Thu. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh M còn trình bày: Anh đã nhận được các tài liệu, chứng cứ mà chị N giao nộp cho Tòa án; các văn bản tố tụng do Tòa án gửi cho anh. Anh không đến Tòa án làm việc được do công việc bận mải và đề nghị Tòa án gửi các văn bản, tài liệu cho anh qua địa chỉ mà Tòa án đã gửi. Anh không có khiếu nại, thắc mắc gì.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thành, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ của anh M) thể hiện:

Sau khi kết hôn, thời gian đầu, giữa chị N và anh M chưa xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, khoảng 02 năm trở lại đây, tình cảm vợ chồng không còn như trước. Nguyên nhân là do chị N đi làm công ty, thiếu sự quan tâm đến gia đình. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà đã nhiều lần khuyên bảo chị N để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy các con nhưng chị N lại nộp đơn khởi kiện và kiên quyết xin ly hôn với anh M. Vì vậy, bà không có ý kiến gì về việc ly hôn giữa chị N và anh M. Về con chung: Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thu để xem xét việc giao con cho người nuôi dưỡng. Hiện anh M làm nghề xây dựng tại địa phương, anh M có đủ thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con. Chị N từ lâu đã không quan tâm đến các con và anh M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho các con. Về tài sản: vợ chồng anh M, chị N không có tài sản chung do toàn bộ đất đai, nhà cửa mà vợ chồng anh M đang sử dụng đều là của bà, anh chị không kiến thiết được gì.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, đại diện UBND xã và cơ sở thôn cung cấp như sau: Giữa chị N và anh M xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không tin tưởng nhau. Anh M cho rằng chị N không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người khác. Nay chị N xin ly hôn anh M, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Hiện con chung Nguyễn Thị L sinh ngày 02 tháng 5 năm 2003 đã thành niên. Còn con Nguyễn Thị Th hiện đang sống cùng anh M và chị N tại địa phương. Đề nghị Tòa án xem xét việc giao con theo nguyện vọng của cháu Thu và theo quy định của pháp luật. Hiện chị N làm công nhân, anh M lao động tự do (làm thợ xây) ở địa phương, có thu nhập để nuôi con.

Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể về tài sản chung và khoản nợ chung của vợ chồng chị N, anh M. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** *Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã chấp hành một phần nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

+ Quan hệ con chung: Con Nguyễn Thị Lan đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Đề nghị xử giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Thu, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2005. Anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

+ Quan hệ tài sản: Do chị N và anh M đều không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

+ Án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228;

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M đăng ký tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 25 tháng 5 năm 2001 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không có sự tin tưởng đối với nhau. Chị N và anh M không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tuy anh chị hiện vẫn sinh sống cùng một nhà nhưng kinh tế độc lập, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Mặc dù anh M và gia đình anh M đã nhiều lần động viên chị N nhưng chị N vẫn không thay đổi quyết định. Qua xác minh tại UBND xã B và lấy lời khai của anh M, bà Thành cũng thể hiện: Giữa chị N và anh M có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau đã được một thời gian nhưng chị N không có mong muốn cho anh M cơ hội để vợ chồng đoàn tụ.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị N và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị N được ly hôn anh M.

[2.2] Quan hệ con chung: Hiện con lớn là Nguyễn Thị L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2003 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Con nhỏ là Nguyễn Thị Th đang sống cùng chị N và anh M. Anh M có nguyện vọng xin nuôi con Nguyễn Thị Th và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, anh M hiện lao động tự do tại địa phương, có công việc và có thu nhập để nuôi con. Nguyện vọng của cháu Th sau khi bố, mẹ ly hôn cũng phù hợp với nguyện vọng của anh M. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho anh Nguyễn Văn M nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Th là phù hợp. Do anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

[2.3] Quan hệ tài sản: Do anh M và chị N đều không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị N và anh M có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn khi cần thiết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Quan hệ con chung: Do con Nguyễn Thị L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2003 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Xử giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Th, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2005. Anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị N, anh M có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị N đã nộp tại biên lai số 0001042 ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục TH Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

